



Công ty Cổ phần Chứng khoán IB

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015



Công ty Cổ phần Chứng khoán IB
Thông tin về Công ty

Giấy phép

Thành lập và Hoạt động

Số 70/UBCK-GP	Ngày 10 tháng 12 năm 2007
Số 30/GPĐC-UBCK	Ngày 6 tháng 5 năm 2011
Số 40/GPĐC-UBCK	Ngày 5 tháng 7 năm 2011
Số 79/GPĐC-UBCK	Ngày 19 tháng 4 năm 2012
Số 09/GPĐC-UBCK	Ngày 21 tháng 5 năm 2014
Số 24/GPĐC-UBCK	Ngày 22 tháng 9 năm 2014
Số 03/GPĐC-UBCK	Ngày 14 tháng 1 năm 2015
Số 27/GPĐC-UBCK	Ngày 29 tháng 5 năm 2015
Số 48/GPĐC-UBCK	Ngày 26 tháng 10 năm 2015

Giấy phép Thành lập và Hoạt động và giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hội Đồng Quản trị

Ông Ngô Phương Chí	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên
Bà Cao Thị Hồng	Thành viên
Ông Lê Đăng Thọ	Thành viên
Ông Lê Khả Tuyên	Thành viên <i>(bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2015)</i>
Ông David Frank Woodhouse	Thành viên <i>(miễn nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2015)</i>

Ban Tổng Giám đốc

Bà Cao Thị Hồng	Tổng Giám đốc
-----------------	---------------

Trụ sở đăng ký

Tầng 8, Số 52 phố Lê Đại Hành
Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng,
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB

Báo cáo của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty Cổ phần Chứng khoán IB (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng theo các quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban điều hành Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 37 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo riêng này, không có lý do gì để Ban điều hành Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban điều hành
Ngô Phương Chí
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 2 tháng 2 năm 2016

**KPMG Limited**

46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower, 72-Storey Building,
Plot E6, Pham Hung Street, Cau Giay New Urban Area,
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (4) 3946 1600
Fax +84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán IB

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán IB (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 2 tháng 2 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 37.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Chứng khoán IB tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất, lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 26 tháng 2 năm 2015.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-02-104/8



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0306-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 2 tháng 2 năm 2016

Nguyễn Minh Hiếu

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 1572-2013-007-1

Công ty Cổ phần Chứng khoán IB
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B01-CTCK

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
TÀI SẢN				
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)		790.752.954.057	422.932.886.342
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền		124.007.618.760	49.951.166.073
1.	Tiền	111	124.007.618.760	49.951.166.073
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		362.041.249.427	290.846.323.295
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	372.535.864.821	298.780.842.916
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	(10.494.615.394)	(7.934.519.621)
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn		303.019.833.463	80.584.152.705
1.	Phải thu của khách hàng	131	14.548.446.401	14.793.771.117
2.	Trả trước cho người bán	132	29.176.686.900	77.943.651.060
3.	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	271.728.577.461	-
4.	Các khoản phải thu khác	138	184.118.226	528.233.156
5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(12.617.995.525)	(12.681.502.628)
IV.	Hàng tồn kho		54.874.101	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác		1.629.378.306	1.551.244.269
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	58.878.536	43.729.949
3.	Tài sản ngắn hạn khác	158	1.570.499.770	1.507.514.320
B	TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)		132.527.738.925	11.782.335.609
I.	Tài sản cố định		13.103.752.973	7.716.966.145
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	5.471.055.718	4.152.131.604
	<i>Nguyên giá</i>	222	18.761.133.855	15.276.077.555
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223	(13.290.078.137)	(11.123.945.951)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	7.632.697.255	3.564.834.541
	<i>Nguyên giá</i>	228	11.864.696.252	7.050.189.252
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229	(4.231.998.997)	(3.485.354.711)
II.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		89.010.000.000	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251	37.510.000.000	-
2.	Đầu tư dài hạn khác	258	51.500.000.000	-
III.	Tài sản dài hạn khác		30.413.985.952	4.065.369.464
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	3.295.895.507	643.711.317
2.	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	263	3.618.090.445	3.421.658.147
3.	Tài sản dài hạn khác	268	23.500.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		923.280.692.982	434.715.221.951

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng này.

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
NGUỒN VỐN				
A	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300	163.283.399.030	45.774.136.649
I.	Nợ ngắn hạn	310	139.783.399.030	45.774.136.649
1.	Phải trả người bán	312	286.016.687	575.006.734
2.	Người mua trả tiền trước	313	610.294.905	3.380.000.000
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	11.733.743.266
4.	Phải trả người lao động	315	545.993	1.209.860.993
5.	Chi phí phải trả	316	401.968.644	124.537.586
6.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	1.652.565.967	481.010.635
7.	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	15	28.269.281.995
8.	Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321	-	695.440
II.	Nợ dài hạn	330	23.500.000.000	-
1.	Phải trả dài hạn khác	333	16	-
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400	759.997.293.952	388.941.085.302
I.	Vốn chủ sở hữu	410	759.997.293.952	388.941.085.302
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	300.000.000.000
7	Quỹ đầu tư phát triển	417	2.462.261.955	2.462.261.955
8	Quỹ dự phòng tài chính	418	9.634.767.513	6.428.457.080
9	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	419	7.172.505.558	3.966.195.125
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	73.104.788.926	76.084.171.142
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)			440	923.280.692.982
				434.715.221.951

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng này.

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
5. Ngoại tệ các loại	005	2.375.905	-
6. Chứng khoán lưu ký	006	1.802.718.170.000	251.119.500.000
<i>Trong đó:</i>			
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	1.428.510.340.000	238.308.170.000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	230.788.820.000	102.929.490.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	1.196.446.030.000	134.195.370.000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	1.275.490.000	1.183.310.000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	-	150.000
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	-	150.000
6.3 Chứng khoán cầm cố	017	141.729.520.000	-
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	141.729.520.000	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027	105.212.080.000	12.811.000.000
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	68.971.000.000	-
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	36.241.080.000	12.811.000.000
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037	172.750.000	180.000
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	172.750.000	180.000
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	127.093.480.000	-
6.8.2 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044	127.093.480.000	-

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán

Người kiểm tra



Trần Thị Hồng Hà
Quyền Kế toán trưởng

Người duyệt



Ngô Phương Chí
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 2 tháng 2 năm 2016

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B02-CTCK

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
1. Doanh thu	01		154.419.281.236	139.382.082.855
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		7.090.139.062	2.256.321.032
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2	18	119.165.812.064	123.988.205.815
Doanh thu hoạt động bảo lãnh	01.3		8.454.900.000	1.874.400.000
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		4.175.188.963	1.595.675.000
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		927.991.825	141.055.429
Doanh thu khác	01.9	19	14.605.249.322	9.526.425.579
2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01)	10		154.419.281.236	139.382.082.855
3. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	20	57.206.080.066	27.831.880.170
4. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		97.213.201.170	111.550.202.685
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21	21.407.250.539	13.507.845.782
6. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		75.805.950.631	98.042.356.903
7. Thu nhập khác	31		3.911.111.196	54.545.454
8. Chi phí khác	32		382.032.600	422.325.649
9. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)	40		3.529.078.596	(367.780.195)
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		79.335.029.227	97.674.576.708
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	15.208.820.577	18.350.674.205
12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		64.126.208.650	79.323.902.503

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán

Người kiểm tra



Trần Thị Hồng Hà
Quyền Kế toán trưởng

Người duyệt



Ngô Phương Chí
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 2 tháng 2 năm 2016

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B03-CTCK

	Mã số	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	79.335.029.227	97.674.576.708
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	2.915.767.267	2.624.402.329
Các khoản dự phòng	03	2.496.588.670	7.749.913.037
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(11.580.392.400)	(3.358.981.327)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	73.166.992.764	104.689.910.747
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(319.558.316.103)	(385.347.783.898)
Biến động hàng tồn kho	10	(54.874.101)	-
Biến động các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	117.015.769.493	20.089.475.726
Biến động chi phí trả trước	12	(2.667.332.777)	(210.708.654)
		(132.097.760.724)	(260.779.106.079)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(14.715.327.689)	(262.647)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(146.813.088.413)	(260.779.368.726)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(8.630.851.300)	(2.844.249.882)
Tiền thu hồi từ bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	67.057.124.535
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(89.010.000.000)	-
Tiền thu lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.580.392.400	7.264.201.474
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(86.060.458.900)	71.477.076.127

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng này.

		2015 VND	2014 VND
LIU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	306.930.000.000	-
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	185.543.344.722	398.491.660.285
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(185.543.344.722)	(398.491.660.285)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	306.930.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	74.056.452.687	(189.302.292.599)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	49.951.166.073	239.253.458.672
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60) (Thuyết minh 4)	70	124.007.618.760	49.951.166.073

Người lập

Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán

Người kiểm tra

Trần Thị Hồng Hà
Quyền Kế toán trưởng

Người duyệt



Ngô Phương Chí
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 2 tháng 2 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB

Mẫu số 05-CTCK

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Số dư đầu năm		Số tăng/(giảm) trong năm		Số dư cuối năm	
	1/1/2014	1/1/2015	2014	2015	31/12/2014	31/12/2015
	VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	367.622.970.000	-
Quỹ đầu tư phát triển	2.462.261.955	2.462.261.955	-	-	-	2.462.261.955
Quỹ dự phòng tài chính	2.462.261.955	6.428.457.080	3.966.195.125	-	3.206.310.433	-
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	3.966.195.125	3.966.195.125	-	3.206.310.433	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4.692.658.889	76.084.171.142	79.323.902.503	(7.932.390.250)	64.126.208.650	(67.105.590.866)
	309.617.182.799	388.941.085.302	87.256.292.753	(7.932.390.250)	438.161.799.516	(67.105.590.866)
					388.941.085.302	759.997.293.952

Người lập




Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán

Người kiểm tra



Trần Thị Hồng Hà
Quyền Kế toán trưởng




Ngô Phương Chi
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 2 tháng 2 năm 2016

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Cơ sở thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán IB (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 70/UBCK-GP ngày 10 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với tên gọi ban đầu là Công ty Chứng khoán Vincom. Công đã chính thức đổi tên là Công ty Cổ phần chứng khoán IB từ ngày 21 tháng 5 năm 2014.

(b) Các hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, các hoạt động tự doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

(c) Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 667.622.970.000 VND (31/12/2014: 300.000.000.000 VND).

(d) Niêm yết

Từ ngày 29 tháng 12 năm 2009, cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu chứng khoán niêm yết là VIX. Số lượng cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 66.762.297 cổ phiếu VIX (31/12/2014: 30.000.000 cổ phiếu) tương ứng với số vốn điều lệ nêu trên.

(e) Công ty con

Trong năm, Công ty tiến hành các thủ tục để mua cổ phần tương đương 77,73% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Quản lý quỹ IB, một công ty quản lý quỹ được thành lập tại Việt Nam. Tại ngày 26 tháng 6 năm 2015, Công ty đã nhận được Quyết định số 536/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận giao dịch chuyển nhượng mua cổ phần này.

Do đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có một công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên công ty	Giấy phép Thành lập và hoạt động	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ IB	<ul style="list-style-type: none">Giấy phép Thành lập và hoạt động ban đầu số 29/UBCK-GP ngày 3 tháng 3 năm 2008Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 32/GPĐC-UBCK ngày 9 tháng 12 năm 2015	Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán	57,25 tỷ VND	77,73%

(f) Tổng số nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 67 nhân viên (31/12/2014: 35 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 (“Thông tư 95”) và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 (“Thông tư 162”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chính sách kế toán này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận chung ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính riêng đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận chung ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (gọi chung là “IB Securities”) theo các quy định tại Thông tư số 95 và Thông tư số 162, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Những người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này kết hợp với báo cáo tài chính hợp nhất của IB Securities cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của IB Securities.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200.

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn góp tại ngày góp vốn.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định trước, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư mà những khoản tiền này được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tại ngân hàng của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B09-CTCK

(c) Đầu tư chứng khoán và dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

(i) Phân loại

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm:

- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn: bao gồm các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua cho mục đích tự doanh và được gọi là chứng khoán thương mại; và
- Các khoản đầu tư ngắn hạn khác: là danh mục đầu tư ủy thác mà công ty được hưởng toàn bộ lợi ích và chịu toàn bộ rủi ro từ các chứng khoán thuộc danh mục.

Các khoản đầu tư dài hạn bao gồm:

- Các khoản đầu tư vào công ty con; và
- Các khoản góp vốn vào các đơn vị khác.

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời.

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp. Khi đánh giá quyền kiểm soát có thể xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm các khoản góp vốn có thời hạn nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên một năm (ngoài chứng khoán thương mại và các khoản đầu tư vào công ty con).

(ii) Ghi nhận và dừng ghi nhận

Công ty ghi nhận chứng khoán và các khoản đầu tư khác vào ngày Công ty chính thức trở thành một bên theo các điều khoản hợp đồng có hiệu lực của các khoản đầu tư (hạch toán vào ngày giao dịch). Công ty ghi nhận giá trị ban đầu theo giá gốc, bao gồm các chi phí giao dịch và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Các khoản đầu tư chứng khoán bị dừng ghi nhận khi quyền nhận được các luồng tiền từ các khoản đầu tư bị chấm dứt hoặc Công ty đã chuyển đi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu.

(iii) Đo lường

Các khoản đầu tư chứng khoán được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Nguyên giá của chứng khoán thương mại và các khoản góp vốn vào đơn vị khác được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc kỳ tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 (“Thông tư 146”). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh là giá đóng cửa trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B09-CTCK

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch đóng cửa trên hệ thống tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng. Trường hợp Công ty không thu thập đủ 3 báo giá hoặc chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì Công ty không thực hiện trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

(iv) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vào công ty con trong trường hợp các tổ chức kinh tế này gặp thua lỗ, ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh của công ty con trước khi đầu tư. Dự phòng giảm giá được tính bằng tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế (theo mệnh giá) trừ (-) vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ sở hữu của Công ty (theo mệnh giá) tại tổ chức kinh tế. Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng được ghi nhận hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên ước tính về khả năng thu hồi của các khoản phải thu, nhưng không thấp hơn mức dự phòng trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành.

Theo Thông tư 228, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Không quá hạn hoặc quá hạn dưới sáu (06) tháng	0%
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B09-CTCK

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ máy móc thiết bị	4 - 5 năm
▪ phương tiện vận tải	10 năm
▪ thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 5 năm
▪ tài sản khác	4 - 5 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy vi tính. Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 4 đến 15 năm.

(g) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian một năm.

(h) Các khoản phải trả cho người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả cho người bán và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(i) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(j) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm được phân bổ trực tiếp vào giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(l) Các quỹ dự trữ pháp định

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hàng năm theo quyết định của Đại hội cổ đông. Mức trích lập hàng năm do Đại hội cổ đông quyết định theo Điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

Các quỹ dự trữ pháp định này không được phép phân phối và được phân loại là vốn chủ sở hữu.

(m) Doanh thu

(i) Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi giao dịch chứng khoán đã hoàn thành. Phí giao dịch môi giới được tính trên giá trị giao dịch của nhà đầu tư tại mức tối thiểu 0,1% đối với trái phiếu và 0,15% đối với cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B09-CTCK

(ii) Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi Công ty nhận được Thông báo thanh toán cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

(iii) Doanh thu dịch vụ lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ được cung cấp.

(iv) Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm thu nhập tiền lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán. Doanh thu từ tiền lãi ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(n) Chi phí vay

Chi phí lãi được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

(o) Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát, trực tiếp hoặc gián tiếp, hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu các bên đều dưới quyền kiểm soát chung hoặc chịu cùng ảnh hưởng đáng kể như được định nghĩa trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 – Thông tin về các bên có liên quan.

(p) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo định nghĩa tại Thông tư 95 và Thông tư 162 được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính riêng này.

(q) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư quy định trong Thông tư 95 và Thông tư 162 nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B09-CTCK

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền		
Tiền mặt của Công ty	93.938.473	18.136.933
Tiền gửi ngân hàng:	123.913.680.287	49.933.029.140
<i>Trong đó:</i>		
▪ Tiền gửi ngân hàng của Công ty	121.991.534	21.711.060.826
▪ Tiền gửi ngân hàng của nhà đầu tư:	123.791.688.753	28.221.968.314
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán (tiền ký quỹ của nhà đầu tư) (Thuyết minh 15)	19.353.718.822	12.859.897.657
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	104.437.969.931	15.362.070.657
	124.007.618.760	49.951.166.073

Bao gồm trong tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có số ngoại tệ trị giá 2.375.905 VND (31/12/2014: không có).

6. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	2015		2014	
	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện Nghìn VND	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện Nghìn VND
Của Công ty	120.600.062	1.874.269.978	69.245.300	1.231.301.853
<i>Cổ phiếu</i>	120.600.062	1.874.269.978	68.745.300	1.181.301.853
<i>Trái phiếu</i>	-	-	500.000	50.000.000
Của nhà đầu tư	347.955.307	4.726.760.819	105.532.237	1.504.213.813
<i>Cổ phiếu</i>	347.955.307	4.726.760.819	105.532.237	1.504.213.813
	468.555.369	6.601.030.797	174.777.537	2.735.515.666

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B09-CTCK

7. Tình hình đầu tư tài chính

(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Chứng khoán thương mại	314.070.615.078	267.577.876.736
Đầu tư ngắn hạn khác	58.465.249.743	31.202.966.180
	<u>372.535.864.821</u>	<u>298.780.842.916</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (i)	(10.494.615.394)	(7.934.519.621)
	<u>362.041.249.427</u>	<u>290.846.323.295</u>

(i) Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1	7.934.519.621	101.062.719
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 20)	2.560.095.773	7.833.456.902
	<u>10.494.615.394</u>	<u>7.934.519.621</u>

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

Công ty	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Đầu tư vào công ty con				
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ IB (Thuyết minh 1(e))	4.450.000	77,73%	37.510.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác				
Quỹ đầu tư khám phá giá trị Ngân hàng Công thương Việt Nam	5.000.000	50%	50.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Hàng không (ii)	150.000	0,6%	1.500.000.000	-
			<u>89.010.000.000</u>	<u>-</u>

(ii) Theo cam kết góp vốn thành lập công ty ngày 7 tháng 4 năm 2015 giữa các cổ đông sáng lập của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Hàng không (“ACS”), Công ty sẽ góp 25 tỷ VND chiếm 10% sở hữu vào ACS. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã góp đủ 25 tỷ VND.

Theo thỏa thuận hợp tác ký kết giữa Công ty và một đối tác của Công ty, trong phần góp vốn trị giá 25 tỷ VND (tương đương 10% sở hữu) do Công ty đầu tư vào ACS, Công ty đóng góp 1,5 tỷ VND (tương đương 0,6% sở hữu) và đối tác của Công ty đóng góp 23,5 tỷ VND (tương đương 9,4% sở hữu). Mỗi bên nhận toàn bộ lợi ích và chịu toàn bộ rủi ro đối với phần đầu tư của mình. Khoản tiền đã nhận được từ đối tác hợp tác và đã chuyển cho ACS được Công ty ghi nhận tương ứng là phải trả dài hạn khác (Thuyết minh 16) và tài sản dài hạn khác (Thuyết minh 13).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB

Mẫu B09-CTCK

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

(c) Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn

Chi tiết các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được nắm giữ bởi Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (số dư cuối năm) và ngày 1 tháng 1 năm 2015 (số dư đầu năm) như sau:

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng		So với giá thị trường		(Giảm)		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm (cổ phiếu)	Đầu năm (cổ phiếu)	Cuối năm VND	Đầu năm VND	Cuối năm VND	Đầu năm VND	Đầu năm VND	Cuối năm VND	Đầu năm VND	Cuối năm VND	Đầu năm VND	Cuối năm VND
I. Chứng khoán thương mại			314.070.615.078	267.577.876.736	27.603.528.589	2.382.674.800	(10.494.615.394)	(10.494.615.394)	(7.934.519.621)	331.179.528.273	262.026.031.915	
(a) <i>Cổ phiếu niêm yết</i>			<i>116.299.018.640</i>	<i>264.399.306.890</i>	<i>5.338.516.523</i>	<i>2.382.661.850</i>	<i>(10.488.473.663)</i>	<i>(10.488.473.663)</i>	<i>(7.757.593.540)</i>	<i>111.149.061.500</i>	<i>259.024.375.200</i>	
CJC	364.000	-	15.020.000.000	-	996.000.000	-	-	-	-	16.016.000.000	-	
MAC	301.300	-	3.358.189.977	-	-	-	(164.409.977)	-	-	3.193.780.000	-	
MHC	2.911.110	9	49.693.553.353	69.276	-	74.724	(5.153.570.353)	-	-	44.539.983.000	144.000	
PCT	559.100	270.000	4.945.568.695	1.861.000.000	1.372.261.305	110.000.000	-	-	-	6.317.830.000	1.971.000.000	
QBS	2.068.610	1.510.040	20.140.333.035	22.448.857.000	-	-	(1.936.565.035)	(1.308.297.000)	-	18.203.768.000	21.140.560.000	
S99	1.720.481	77	13.006.310.137	784.900	-	31.300	(3.027.520.337)	-	-	9.978.789.800	816.200	
SDA	867.158	69	7.383.896.385	1.222.585	-	-	(13.053.385)	(705.085)	-	7.370.843.000	517.500	
TET	129.400	500.000	2.678.580.000	10.500.000.000	-	-	(168.220.000)	(750.000.000)	-	2.510.360.000	9.750.000.000	
Khác	172.377	7.449.382	72.587.058	229.587.373.129	2.970.255.218	2.272.555.826	(25.134.576)	(5.698.591.455)	-	3.017.707.700	226.161.337.500	
(b) Cổ phiếu chưa niêm yết			197.771.596.438	3.178.569.846	22.265.012.066	12.950	(6.141.731)	(6.141.731)	(176.926.081)	220.030.466.773	3.001.656.715	
DDV	6.841.199	-	85.513.276.403	-	4.106.430.497	-	-	-	-	89.619.706.900	-	
GEX	2.955.000	-	52.380.304.176	-	15.584.695.824	-	-	-	-	67.965.000.000	-	
SPSC (*)	450.000	-	4.500.000.000	-	-	-	-	-	-	4.500.000.000	-	
SD3	951.100	-	6.866.606.705	-	1.027.523.295	-	-	-	-	7.894.130.000	-	
VTX	3.005.500	-	39.052.800.000	-	1.521.450.000	-	-	-	-	40.574.250.000	-	
Khác	795.436	250.236	9.458.609.154	3.178.569.846	24.912.450	12.950	(6.141.731)	(176.926.081)	-	9.477.379.873	3.001.656.715	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB**Mẫu B09-CTCK****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng		So với giá trị trường		(Giảm)		Tổng giá trị	
	Cuối năm (cổ phiếu)	Đầu năm (cổ phiếu)	Cuối năm VND	Đầu năm VND	Cuối năm VND	Đầu năm VND	Đầu năm VND	Cuối năm VND	Cuối năm VND	Đầu năm VND	Cuối năm VND	Đầu năm VND
II. Đầu tư ngắn hạn khác			58.465.249.743	31.202.966.180	-	-	-	-	-	-	58.465.249.743	31.202.966.180
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng			-	25.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	25.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác			58.465.249.743	6.202.966.180	-	-	-	-	-	-	58.465.249.743	6.202.966.180
III. Đầu tư góp vốn			9.600.000		-	-	-	-	-	-	89.010.000.000	
Đầu tư vào công ty con	4.450.000	-	37.510.000.000		-	-	-	-	-	-	37.510.000.000	
Đầu tư dài hạn khác	5.150.000	-	51.500.000.000		-	-	-	-	-	-	51.500.000.000	

(*) Do không có đủ ba báo giá để xác định chắc chắn giá trị trường, những khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B09-CTCK

8. Phải thu ngắn hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Phải thu khách hàng	14.548.446.401	14.793.771.117
<i>Trong đó:</i>		
▪ Phải thu nhà đầu tư (i)	14.548.446.401	14.268.943.715
▪ Phải thu khác	-	524.827.402
Trả trước cho người bán	29.176.686.900	77.943.651.060
<i>Trong đó:</i>		
▪ Thanh toán tiền mua cổ phần theo Thông báo Kết quả đấu giá của Sở Giao dịch Chứng khoán	-	73.800.000.000
▪ Trả trước cho người bán để mua chứng khoán	29.059.856.900	4.143.651.060
▪ Trả trước khác	116.830.000	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	271.728.577.461	-
<i>Trong đó:</i>		
▪ Phải thu giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư	121.429.108.050	-
▪ Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán của nhà đầu tư	25.247.470.953	-
▪ Phải thu hoạt động tự doanh chứng khoán	123.962.110.000	-
▪ Phải thu khác	1.089.888.458	-
Phải thu khác	184.118.226	528.233.156
<i>Trong đó:</i>		
▪ Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	-	488.343.042
▪ Phải thu khác	184.118.226	39.890.114
	315.637.828.988	93.265.655.333
Dự phòng phải thu khó đòi (ii)	(12.617.995.525)	(12.681.502.628)
	303.019.833.463	80.584.152.705

(i) Đây là các khoản phải thu nhà đầu tư do Công ty đã ứng trước tiền cho khách hàng để mua bán chứng khoán và các khoản chênh lệch chờ xử lý đã quá hạn trên 3 năm. Công ty đã trích lập dự phòng cho các khoản phải thu này theo quy định của Thông tư 228 và Thông tư 89.

(ii) Biến động của dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1	12.681.502.628	12.765.046.493
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 21)	(63.507.103)	(83.543.865)
Số dư tại ngày 31 tháng 12	12.617.995.525	12.681.502.628

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB**Mẫu B09-CTCK**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình*Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015*

Nguyên giá	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2015	11.230.143.131	2.679.053.700	803.349.650	563.531.074	15.276.077.555
Tăng trong năm	2.156.230.000	-	599.150.000	1.060.964.300	3.816.344.300
Phân loại lại	-	-	-	(331.288.000)	(331.288.000)
Số dư tại ngày 31/12/2015	13.386.373.131	2.679.053.700	1.402.499.650	1.293.207.374	18.761.133.855
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 1/1/2015	9.612.505.325	184.281.913	763.627.639	563.531.074	11.123.945.951
Hao mòn trong năm	1.783.562.745	267.905.376	17.373.881	100.280.979	2.169.122.981
Phân loại lại	-	-	-	(2.990.795)	(2.990.795)
Số dư tại ngày 31/12/2015	11.396.068.070	452.187.289	781.001.520	660.821.258	13.290.078.137
Giá trị còn lại					
Số dư tại ngày 1/1/2015	1.617.637.806	2.494.771.787	39.722.011	-	4.152.131.604
Số dư tại ngày 31/12/2015	1.990.305.061	2.226.866.411	621.498.130	632.386.116	5.471.055.718

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 13.941.978.334 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 5.674.714.743 triệu VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB**Mẫu B09-CTCK****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)***Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014*

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư tại ngày 1/1/2014	11.104.733.131	-	920.375.034	563.531.074	12.588.639.239
Tăng trong năm	125.410.000	2.679.053.700	39.786.182	-	2.844.249.882
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(156.811.566)	-	(156.811.566)
Số dư tại ngày 31/12/2014	11.230.143.131	2.679.053.700	803.349.650	563.531.074	15.276.077.555
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 1/1/2014	7.628.482.320	-	871.809.706	563.531.074	9.063.823.100
Hao mòn trong năm	1.984.023.005	184.281.913	27.815.803	-	2.196.120.721
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(135.997.870)	-	(135.997.870)
Số dư tại ngày 31/12/2014	9.612.505.325	184.281.913	763.627.639	563.531.074	11.123.945.951
Giá trị còn lại					
Số dư tại ngày 1/1/2014	3.476.250.811	-	48.565.328	-	3.524.816.139
Số dư tại ngày 31/12/2014	1.617.637.806	2.494.771.787	39.722.011	-	4.152.131.604

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B09-CTCK

10. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính	2015 VND	2014 VND
Nguyên giá		
Số dư tại ngày 1 tháng 1	7.050.189.252	7.050.189.252
Tăng trong năm	4.814.507.000	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12	11.864.696.252	7.050.189.252
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư tại ngày 1 tháng 1	3.485.354.711	3.057.073.103
Hao mòn trong năm	746.644.286	428.281.608
Số dư tại ngày 31 tháng 12	4.231.998.997	3.485.354.711
Giá trị còn lại		
Số dư tại ngày 1 tháng 1	3.564.834.541	3.993.116.149
Số dư tại ngày 31 tháng 12	7.632.697.255	3.564.834.541

11. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh công cụ dụng cụ chờ phân bổ của Công ty. Biến động của chi phí trả trước dài hạn chờ phân bổ trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1	643.711.317	454.032.612
Tăng trong năm	3.897.753.993	1.015.460.863
Phân bổ vào chi phí trong năm	(1.245.569.803)	(825.782.158)
Số dư tại ngày 31 tháng 12	3.295.895.507	643.711.317

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B09-CTCK

12. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 57/QĐ-VSD ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của kỳ liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Biến động các khoản tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1	3.421.658.147	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	-	2.524.187.610
Tiền lãi phân bổ	196.432.298	777.470.537
	<hr/>	<hr/>
Số dư tại ngày 31 tháng 12	3.618.090.445	3.421.658.147

13. Tài sản dài hạn khác

Đây là khoản Công ty thay mặt cho đối tác hợp tác đầu tư góp vốn vào ACS theo thỏa thuận hợp tác đầu tư (Thuyết minh 7(b)(ii)).

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
<i>Phải nộp</i>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.645.288.025	11.151.795.137
Thuế thu nhập cá nhân	820.813.264	505.312.457
Thuế giá trị gia tăng	35.613.467	76.635.672
	<hr/>	<hr/>
	12.501.714.756	11.733.743.266

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B09-CTCK

Biến động thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước trong năm như sau:

Năm kết thúc ngày 31/12/2015	1/1/2015 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.151.795.137	15.208.820.577	(14.715.327.689)	11.645.288.025
Thuế thu nhập cá nhân	505.312.457	2.300.841.349	(1.985.340.542)	820.813.264
Thuế giá trị gia tăng	76.635.672	248.397.001	(289.419.206)	35.613.467
	11.733.743.266	17.758.058.927	(16.990.087.437)	12.501.714.756

Năm kết thúc ngày 31/12/2014	1/1/2014 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2014 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(7.198.616.421)	18.350.674.205	(262.647)	11.151.795.137
Thuế thu nhập cá nhân	41.182.660	1.302.744.471	(838.614.674)	505.312.457
Thuế giá trị gia tăng	101.753.152	166.112.953	(191.230.433)	76.635.672
Các loại thuế khác	56.405.856	3.001.000	(59.406.856)	-
	(6.999.274.753)	19.822.532.629	(1.089.514.610)	11.733.743.266

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B09-CTCK

15. Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán (tiền ký quỹ của nhà đầu tư) (Thuyết minh 5)	19.353.718.822	12.859.897.657
Phải trả Sở Giao dịch và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	104.976.573.256	15.409.384.338
	124.330.292.078	28.269.281.995

16. Phải trả dài hạn khác

Đây là khoản phải trả đối tác liên quan đến khoản góp vốn vào ACS (Thuyết minh 7(b)(ii)).

17. Vốn góp cổ phần

Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2015		31/12/2014	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	66.762.297	667.622.970.000	30.000.000	300.000.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	66.762.297	667.622.970.000	30.000.000	300.000.000.000

Mỗi cổ phiếu phổ thông của Công ty có mệnh giá 10.000 VND và tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được quyền nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Các cổ phiếu phổ thông có thứ tự ưu tiên như nhau liên quan đến việc chia tài sản còn lại của Công ty.

18. Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn

	2015 VND	2014 VND
Lãi từ kinh doanh chứng khoán	107.585.419.664	120.629.224.488
Thu nhập cổ tức	11.580.392.400	1.567.314.661
Thu nhập lãi trái phiếu	-	1.791.666.666
	119.165.812.064	123.988.205.815

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B09-CTCK

19. Doanh thu khác

	2015 VND	2014 VND
Thu nhập từ cho vay ký quỹ	8.426.510.680	579.907.707
Doanh thu lãi ứng trước tiền bán chứng khoán	1.483.773.156	443.667.368
Thu nhập lãi tiền gửi	4.682.374.607	8.255.140.209
Doanh thu khác	12.590.879	247.710.295
	14.605.249.322	9.526.425.579

20. Chi phí hoạt động kinh doanh

	2015 VND	2014 VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	2.676.684.247	951.762.255
Lỗ từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	42.410.538.649	13.592.243.051
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	504.362.900	414.676.047
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán (Thuyết minh 7)	2.560.095.773	7.833.456.902
Lương và các chi phí liên quan	4.954.561.899	1.979.678.856
Chi phí hao mòn tài sản cố định	2.047.235.753	2.242.339.260
Chi phí khác	2.052.600.845	817.723.799
	57.206.080.066	27.831.880.170

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B09-CTCK

21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.125.626.649	6.413.622.755
Chi phí vật liệu quản lý	341.417.942	131.244.524
Chi phí công cụ dụng cụ	1.231.219.832	347.929.979
Chi phí thuê văn phòng	3.113.420.456	1.139.539.095
Chi phí khấu hao tài sản cố định	868.531.514	382.063.069
Thuế, phí và lệ phí	1.600.775.308	371.442.225
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 8)	(63.507.103)	(83.543.865)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.074.339.368	1.886.289.844
Chi phí khác	4.115.426.573	2.919.258.156
	21.407.250.539	13.507.845.782

22. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm báo cáo hiện tại	15.208.820.577	18.350.674.205

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận trước thuế	79.335.029.227	97.674.576.708
Thuế theo thuế suất của Công ty	17.453.706.430	21.488.406.876
Chi phí không được khấu trừ thuế	141.591.792	-
Nộp thiếu trong các năm trước	161.208.683	-
Lợi ích của lỗ tính thuế được ghi nhận	-	(2.792.923.445)
Thu nhập được miễn thuế (*)	(2.547.686.328)	(344.809.226)
	15.208.820.577	18.350.674.205

(*) Bao gồm trong đó là cổ tức nhận được do góp vốn đầu tư tại các đơn vị khác với tổng giá trị 11.580.392.400 VND theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (2014: 1.567.314.661 VND) (Thuyết minh 18).

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 22% trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

23. Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Công ty nhận định nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng. Rủi ro tín dụng của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

		31/12/2015	31/12/2014
		VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	(i)	121.991.534	21.711.060.826
Đầu tư ngắn hạn khác	(i)	-	25.000.000.000
Phải thu khách hàng	(ii)	14.548.446.401	14.793.771.117
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	(iii)	271.728.577.461	-
Các khoản phải thu khác		184.118.226	528.233.156
Tài sản ngắn hạn khác		1.570.499.770	1.507.514.320
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán		3.618.090.445	3.421.658.147
		291.771.723.837	66.962.237.566

(i) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền và đầu tư ngắn hạn khác

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tín dụng có uy tín. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy rủi ro trọng yếu nào liên quan đến các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tín dụng này sẽ mất khả năng trả nợ và gây ra tổn thất tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B09-CTCK

(ii) Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa thu được và yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ các khoản phải thu này theo đúng điều khoản trong hợp đồng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu của khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm được trình bày tại Thuyết minh 8.

(iii) Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

Các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán chủ yếu bao gồm các khoản cho khách hàng vay giao dịch ký quỹ. Công ty giới hạn số dư cho vay tối đa, tỷ lệ ký quỹ ban đầu và tỷ lệ ký quỹ duy trì tương ứng là 50% và 35%.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm các khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	Từ 2 đến 5 năm VND
Phải trả người bán	286.016.687	286.016.687	286.016.687	-
Chi phí phải trả	401.968.644	401.968.644	401.968.644	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.652.565.967	1.652.565.967	1.652.565.967	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	124.330.292.078	124.330.292.078	124.330.292.078	-
Phải trả dài hạn khác	23.500.000.000	23.500.000.000	-	23.500.000.000
	150.170.843.376	150.170.843.376	126.670.843.376	23.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B09-CTCK

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả người bán	575.006.734	575.006.734	575.006.734
Chi phí phải trả	124.537.586	124.537.586	124.537.586
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	481.010.635	481.010.635	481.010.635
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	28.269.281.995	28.269.281.995	28.269.281.995
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	695.440	695.440	695.440
	29.450.532.390	29.450.532.390	29.450.532.390

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Rủi ro về tỷ giá hối đoái của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là không trọng yếu và Công ty không có các trạng thái trọng yếu đối với các loại tiền tệ khác VND là đồng tiền hạch toán của Công ty.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để thu thập các lãi suất có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

Các công cụ tài chính có lãi suất cố định	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
<i>Tài sản tài chính</i>		
Tiền gửi không kỳ hạn của Công ty	121.991.534	21.711.060.826
Đầu tư ngắn hạn khác	-	25.000.000.000
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	3.618.090.445	3.421.658.147
	3.740.081.979	50.132.718.973

(iii) *Rủi ro về giá chứng khoán*

Rủi ro về giá chứng khoán phát sinh từ chứng khoán vốn niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ. Ban Tổng Giám đốc của Công ty theo dõi các chứng khoán vốn trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và tất cả các quyết định mua và bán đều phải được Thường trực Hội đồng Quản trị phê duyệt.

Chứng khoán kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá thị trường của các chứng khoán vốn niêm yết của Công ty là 111.149.061.500 VND. Nếu giá thị trường của các chứng khoán này tăng hoặc giảm 13% tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận sau thuế trong năm của Công ty sẽ tăng 6.813.657.748 VND hoặc giảm 9.549.417.648 VND.

12-0
TY
HỮU K
G
P

24. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên có liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	2015 VND	2014 VND	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Hội đồng Quản trị và Ban điều hành				
Chi phí lương và phụ cấp	3.421.411.555	2.192.641.168	-	-
Chi phí thuê xe	192.000.000	-	-	-
Doanh thu cho Công ty từ hoạt động tư vấn đầu tư trái phiếu	197.446.380	-	-	-
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ IB – Công ty con				
Góp vốn	37.510.000.000	-	37.510.000.000	-
Ủy thác đầu tư	46.000.000.000	-	46.000.000.000	-
Phí quản lý danh mục đầu tư	10.222.222	-	10.222.222	-
Doanh thu phí giao dịch mua bán chứng khoán	165.061.517	-	-	-
Doanh thu lãi tiền gửi	2.044.444	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại FTG				
Doanh thu từ phí giao dịch	29.124.900	-	-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	100.000.000	-	110.000.000	-
Doanh thu từ lãi UTTB CK	19.633.195	-	-	-
Doanh thu phí giao dịch ký quỹ	98.046.082	-	-	-
Doanh thu từ phí lưu ký	2.646.333	-	-	-

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán

Người kiểm tra



Trần Thị Hồng Hà
Quyền Kế toán trưởng

Người duyệt



Ngô Phương Chí
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 2 tháng 2 năm 2016